TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2024/HS - ST
Ngày: 28 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy
Ông Lê Văn Lợi
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Hoan - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Công Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2024/HSST ngày 03/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST - HS ngày 15/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/HSST - QĐ ngày 29/01/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H - sinh ngày 16/7/1994.
Nơi cư trú: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; con ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị L; có chồng là Nguyễn Văn Đ (đã ly hôn) và chưa có con; tiền án, tiền sự: Không. Là Đảng viên ĐCSVN đã bị xóa tư cách Đảng viên theo Quyết định số 1867 ngày 30/11/2023 của Huyện ủy Quảng Xương.
Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.
Có mặt tại phiên tòa.

*** Người làm chứng:**
- Anh Nguyễn Thái T - sinh năm 1991 (vắng mặt).
Địa chỉ: phường H, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Trịnh Văn Đ - sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc T1 - sinh năm 2002 (vắng mặt).
Địa chỉ: thị trấn P, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
- Anh Nguyễn Thế H - sinh năm 1996 (vắng mặt).
Địa chỉ: phường T, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07/7/2023 cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương tiếp nhận tin báo, tố giác về tội phạm của anh Trịnh Văn Đ (ở thị trấn P, huyện Quảng Xương) với nội dung: Ngày 06/4/2023, anh Đ đang ở nhà thì con trai anh Đ là anh Nguyễn Thế H1 (ở phường V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) gọi điện cho anh Đ với nội dung Nguyễn Thị H (ở xã T, huyện Quảng Xương) muốn cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 của H thì anh Đ đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày H đến nhà anh Đ, sau khi kiểm tra xe và các giấy tờ liên quan, anh Đ và H thỏa thuận anh Đ nhận cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 với số tiền 400.000.000đ. Hai bên thỏa thuận hàng tháng H phải trả cho anh Đ 20.000.000đ tiền lãi của khoản tiền cầm cố xe ô tô, khi nào H trả đủ tiền lãi và tiền gốc cho anh Đ thì H đến nhận lại chiếc xe ô tô cùng toàn bộ giấy tờ liên quan. Để H có trách nhiệm trong việc trả tiền gốc và lãi đúng thời hạn, anh Đ đã yêu cầu H viết giấy bán chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 cho anh Đ thì H đồng ý. Sau khi thỏa thuận xong H đã giao cho anh Đ 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 36A - 56965 mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H, 01 chìa khóa xe ô tô và chiếc xe ô tô BKS 36A - 56965 cho anh Đ. Sau đó anh Đ mang chiếc ô tô BKS: 36A - 56965 cất giữ và bảo quản tại nhà chị Nguyễn Thị L - sinh năm 1968 (chị vợ anh Đ) ở phường T, thành phố Thanh Hóa. Đến ngày 28/6/2023 anh Đ mang chiếc xe về nhà mình để cất giữ, bảo quản tại lán tạm bên hông nhà anh Đ. Đến khoảng 16giờ ngày 07/7/2023 thì anh Đ phát hiện chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 bị mất trộm nên anh Đ đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương trình báo sự việc. Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, lập biên bản niêm phong tài liệu anh Đ giao nộp gồm 01 giấy đăng ký xe ô tô BKS: 36A - 56965 mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô BKS: 36A - 56965, 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H và 01 hợp đồng mua bán xe ô tô giữa Trịnh Văn Đ và Nguyễn Thị H.

Đến ngày 08/7/2023 anh Nguyễn Thái T ở phường H, thành phố Thanh Hoá đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương trình báo sự việc với nội

dung: Anh T là chủ cửa hàng kinh doanh dịch cho thuê xe tự lái "Thái T" ở phường H, thành phố Thanh Hóa. Khoảng tháng 6/2021 anh T có cho Nguyễn Thị H ở xã T, huyện Quảng Xương thuê 01 chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 để H làm phương tiện đi lại, khi thuê xe H nói với anh T thống nhất thời hạn thuê xe theo hợp đồng là 01 tháng, hết thời hạn hợp đồng H phải đến gặp anh T hoặc gọi điện để gia hạn hợp đồng thuê xe. Hàng tháng H phải trả cho anh T 27.000.000đ tiền thuê xe, hình thức thanh toán tiền được chia làm 03 lần (10 ngày/01 lần), mỗi lần thanh toán 9.000.000đ. Sau khi thuê xe, anh T giao cho H 01 chìa khóa xe ô tô, 01 giấy đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Thái T, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô và 01 giấy bảo hiểm dân sự xe ô tô. Sau đó H trực tiếp quản lý và sử dụng chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 từ tháng 6 năm 2021, trong quá trình thuê xe hàng tháng H đều thanh toán tiền thuê xe đầy đủ cho anh T theo thỏa thuận giữa hai bên. Đến ngày 15/6/2023, H tiếp tục gọi điện cho anh T để gia hạn hợp đồng thuê xe trong thời gian 01 tháng cho đến ngày 15/7/2023 và được anh T đồng ý. Đến ngày 05/7/2023 do đến hạn trả tiền thuê xe mà không thấy H thanh toán tiền thuê xe và không liên lạc được với H nên anh T đến nhà H ở xã T, huyện Quảng Xương để tìm H nhưng không gặp. Khi đến nhà H, anh T gặp ông Nguyễn Đức T (bố đẻ H) thì được ông T cho biết H chủ quan trong kinh doanh dẫn đến thua lỗ và nợ nần nhiều người và không biết H đang ở đâu. Do nghi ngờ H chiếm đoạt chiếc xe ô tô của mình nên ngày 07/7/2023 anh T sử dụng thiết bị định vị được gắn trên xe ô tô BKS: 36A - 56965 tìm và phát hiện chiếc xe trên đang ở khu vực bãi đất trống bên hông nhà nghỉ Minh Đ ở thị trấn P, huyện Quảng Xương (nhà anh Đ). Anh T đã đến khu vực này, sử dụng chìa khóa phụ của chiếc xe mở và điều khiển chiếc xe đến trực ban Công an huyện Quảng Xương trình báo sự việc.

Quá trình điều tra vụ án, cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã triệu tập Nguyễn Thị H để làm việc. Tại cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương, Nguyễn Thị H khai nhận:

Do cần xe ô tô để sử dụng làm phương tiện đi lại phục vụ công viêc kinh doanh nên khoảng tháng 6/2021, Nguyễn Thị H làm hợp đồng thuê xe ô tô BKS: 36A - 56965 với anh Nguyễn Thái T là chủ sở hữu. Khi thuê xe H với anh T thống nhất thời hạn thuê xe theo hợp đồng là 01 tháng, hết thời hạn hợp đồng H phải đến gặp anh T hoặc gọi điện để gia hạn hợp đồng thuê xe. Hàng tháng H phải trả cho anh T 27.000.000đ tiền thuê xe, hình thức thanh toán tiền được chia làm 03 lần, mỗi lần 9.000.000đ. Đến khoảng cuối năm 2022, thông qua mối quan hệ bạn bè, H quen biết với người đàn ông tên T2, H nói với T2 về việc H đang có khó khăn về kinh tế thì T2 hướng dẫn H làm giả giấy đăng ký chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 của anh T để sử dụng cầm cố xe ô tô BKS: 36A - 56965 lấy tiền kinh doanh khi cần. Sau đó H đã đưa cho T2 giấy chứng nhận đăng ký bản sao chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 và nhờ T2 làm giả giấy đăng ký xe BKS: 36A - 56965 mang tên H thỏa thuận với giá

30.000.000đ ở ngoài đường QL 45 (ở khu vực nào H không nhớ cụ thể). Sau đó có 01 nam thanh niên H không quen biết mang đến cho H giấy chứng nhận đăng ký giả xe ô tô BKS: 36A - 56965 và H thanh toán cho người này số tiền 30.000.000đ tại khu vực trước cổng Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa. Do lúc đó H chưa có nhu cầu cần thêm tiền vốn nên H không đem chiếc xe ô tô của anh T đi cầm cố mà chỉ sử dụng làm phương tiện đi lại còn giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả H mang về nhà cất giữ.

Ngày 06/4/2023, do cần tiền để trả nợ nên H thông qua các mối quan hệ bạn bè H gọi điện cho anh Nguyễn Thế H1 ở phường V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965. Do anh H1 không nhận cầm đồ nên anh H1 đã hướng dẫn cho H đến cầm cố chiếc xe ô tô cho anh Trịnh Văn Đ - sinh năm 1972 ở thị trấn P, huyện Quảng Xương (bố anh H1). Do muốn cầm cố chiếc xe ô tô với giá cao nên H đã sử dụng giấy đăng ký xe giả mang tên H và mang chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 đến gặp anh Đ với mục đích cầm cố chiếc xe cho anh Đ. Sau khi kiểm tra chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 và giấy đăng ký giả của chiếc xe, anh Đ không phát hiện đây là giấy chứng đăng ký giả nên anh Đ đã đồng ý cho H cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 với số tiền 400.000.000đ. Anh Đ và H thỏa thuận hàng tháng H phải trả cho anh Đ 20.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết số tiền gốc 400.000.000đ thì anh Đ sẽ trả lại chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 cùng toàn bộ giấy tờ liên quan đến chiếc xe ô tô cho H. Để Hương có trách nhiệm trong việc thanh toán tiền gốc và tiền lãi, anh Đ và H thống nhất cầm cố xe ô tô dưới hình thức làm hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965. Sau khi thỏa thuận, H đưa cho anh Đ 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 36A - 56965 mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm của chiếc xe ô tô BKS: 36A- 56965, 01 thẻ căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H và 01 hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965. Sau khi lấy được số tiền 400.000.000đ H đã dùng số tiền trên để trả nợ. Đến ngày 18/7/2023 Nguyễn Thị H đã trả lại cho Trịnh Văn Đ số tiền 400.000.000đ.

Quá trình điều tra còn xác định: Ngày 22/9/2022 H ký hợp đồng thuê xe ôtô BKS: 36A - 69804 của chị Lê Thị P ở phố L, phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hoá là chủ sở hữu để sử dụng. Khi ký hợp đồng thuê xe, H và chị P thống nhất thời hạn thuê xe theo hợp đồng là 01 tháng, hết thời hạn hợp đồng H phải đến gặp chị P hoặc gọi điện để thống nhất gia hạn hợp đồng thuê xe. Hàng tháng H phải trả cho chị P 30.000.000đ tiền thuê xe cũng với hình thức thanh toán thành 03 lần (10 ngày/01 lần), mỗi lần 10.000.000đ. Sau khi thuê xe, H trực tiếp quản lý và sử dụng chiếc xe ô tô BKS: 36A - 69804 của chị P để làm phương tiện đi lại, hàng tháng H đều thanh toán tiền thuê xe đầy đủ cho chị P theo thỏa thuận. Trong thời gian thuê chiếc xe ô tô trên, H với chị Đoàn Thị T3 ở xã Đ, huyện Quảng Xương có mối quan hệ quen biết; chị T3 đã nhiều lần cho H vay tiền để kinh doanh nhưng không lấy tiền lãi, đồng thời H đang thuê xe ô tô BKS: 36A- 56965 của anh T và không thường xuyên sử

dụng chiếc xe ôtô BKS: 36A- 69804 của chị P nên khoảng đầu tháng 01 năm 2023 H cho chị T3 mượn chiếc xe ô tô BKS: 36A - 69804 để chị T3 sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 05/7/2023, không thấy H trả tiền thuê xe theo thời hạn hợp đồng, đồng thời chị P biết anh T (anh T là anh rể chị P) tìm H nhưng không gặp nên ngày 08/7/2023 chị P sử dụng thiết bị định vị gắn trên xe ô tô BKS: 36A - 69804 tìm và phát hiện chiếc xe BKS: 36A - 69804 đang đậu tại nhà anh Đoàn Văn C (sinh năm 1972 là em trai chị T3 ở xã Đ, huyện Quảng Xương) và đến Công an huyện Quảng Xương trình báo sự việc.

Xét thấy Nguyễn Thị H có dấu hiệu của tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 BLHS, ngày 15/8/2023 cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 36A - 56965 mang tên Nguyễn Thị H mà anh Trịnh Văn Đ giao nộp cho cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương là thật hay giả. Tại kết luận giám định số 3103/KL - KTHS ngày 31/8/2023 của Phòng KTHS Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098799, tên chủ xe: Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn Lâm, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa, biển số đăng ký 36A - 56965 CẤP NGÀY 20/11/2020; dưới mục "Trưởng phòng" có hình dấu tròn màu đỏ nội dung " PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG* CÔNG AN TỈNH THANH HÓA, chữ ký và hình dấu tên " ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến".

- Mẫu so sánh:

+ Biên bản làm việc với nội dung: Thu thập mẫu chữ ký của ông Lê Văn Chiến - Trưởng phòng CSGT Công an tỉnh Thanh Hóa ngày 07/8/2023, dưới mục "Kết quả làm việc", "Xác nhận của cơ quan" và "Người ký mẫu" có chữ ký dứng tên "Đại tá: Lê Văn Chiến (ký hiệu M1).

+ Biên bản làm việc với nội dung: Thu thập mẫu dấu của phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Thanh Hóa ngày 07/8/2023; dưới mục "Kết quả làm việc" có 03 hình dấu tròn màu đỏ nội dung "PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA" (ký hiệu M2).

+ Mẫu Chứng nhận đăng ký xe ô tô được lưu tại phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098799 là giả.

Ngày 18/7/2023 cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương ra yêu cầu định giá tài sản số 1606/YC-CQCSĐT (ĐTHS) đối với chiếc xe ô tô BKS: 36A-56965 và chiếc xe ô tô BKS: 36A - 69804. Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/UBND-HĐĐGTS ngày 24/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Quảng Xương kết luận: 01 chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 có giá trị 430.000.000đ và 01 chiếc xe ô tô BKS: 36A - 69804 có giá trị 550.000.000đ.

Lời khai của Nguyễn Thị H phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã thu thập được.

Đối với hành vi của anh Nguyễn Thái T sau khi H vi phạm hợp đồng giữa hai bên và không liên lạc được với H, nghi ngờ bị H chiếm đoạt chiếc xe ô tô nên anh T đã sử dụng thiết bị định vị trên xe tìm và phát hiện chiếc xe đang để ở khu đất trống bên cạnh nhà anh Đ. Sau đó anh T đã sử dụng chìa khóa phụ của chiếc xe đến lấy chiếc xe rồi đến cơ quan Công an huyện Quảng Xương trình báo sự việc. Hành vi của anh T không có dấu hiệu của tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 BLHS.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị H sau khi thuê chiếc xe ô tô BKS: 36A - 69804 của chị Lê Thị P đã mang chiếc xe cho chị Đoàn Thị T3 mượn làm phương tiện đi lại. Sau khi thuê xe, hàng tháng H vẫn trả tiền thuê xe cho chị P, ngoài ra khi cho H vay tiền chị T3 không lấy lãi, cũng không yêu cầu H phải giao chiếc xe BKS: 36A - 69804 cho chị T3 nên hành vi trên của Nguyễn Thị H không có dấu hiệu của tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 175 BLHS.

Đối với hành vi của Nguyễn Thị H sau khi thuê xe ô tô có BKS: 36A - 56965 của anh Nguyễn Thái T thì H đã nhờ người làm giả giấy đăng ký xe ô tô trên mang tên của H , rồi đem xe ô tô đi cầm cố cho anh Trịnh Văn Đ dưới hình thức là viết hợp đồng mua bán tài sản (khi viết giấy mua bán xe H và anh Đ không làm thủ tục công chứng, chứng thực) để lấy số tiền 400.000.000đ trả nợ có dấu hiệu của tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên H đã thuê xe của anh T trong khoảng thời gian rất dài (từ tháng 6 năm 2021) và trong thời gian đem xe đi cầm cố (từ 06/4/2023) Hương vẫn thanh toán đầy đủ tiền thuê xe hàng tháng cho anh T. Đến ngày 05/7/2023, đến hạn phải trả 9.000.000đ tiền thuê xe do điện thoại của H hỏng, anh T không liên lạc được với H nên anh T đã sử dụng thiết bị định vị để tìm chiếc xe và đến ngày 18/7/2023 H đã trả lại số tiền 400.000.000đ cho anh Đ. Như vậy không đủ căn cứ xác định mục đích chiếm đoạt tài sản đối với chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 của anh T và số tiền 400.000.000đ của anh Đ đối với Nguyễn Thị H. Hành vi của Nguyễn Thị H không có dấu hiệu của tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại Điều 174 và Điều 175 BLHS.

Đối với hành vi của anh Trịnh Văn Đ tuy không đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ nhưng vẫn nhận cầm cố chiếc xe ô tô BKS: 36A - 56965 với số tiền 400.000.000đ, hàng tháng theo thỏa thuận H phải trả cho anh Đ 20.000.000đ tiền lãi cho đến khi trả hết tiền gốc tương đương với mức lãi suất 1.667đ/ triệu/1 ngày vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại Điều 468 BLDS 3.04 lần. Hành vi của Trịnh Văn Đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch

dân sự" quy định tại Điều 201 BLHS nên CQĐT không xem xét xử lý hình sự đối với Trịnh Văn Đ là phù hợp.

Đối với chiếc xe ô tô BKS: 36A- 56965 của anh Nguyễn Thái T và chiếc xe ô tô BKS: 36A - 69804 của chị Lê Thị P. Anh T và chị P đã nhận lại được tài sản. Đối với anh Trịnh Văn Đ đã nhận lại số tiền 400.000.000đ và không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Đối với đối tượng tên T2 được H nhờ làm giả giấy đăng ký xe ô tô BKS: 36A - 56965 và đối tượng mang giấy chứng nhận giả xe ô tô BKS: 36A-56965 cho H, H khai báo H quen biết T2 qua quan hệ xã hội từ cuối năm 2022, bản thân H không nhớ ai là người giới thiệu cho H quen biết T2, H cũng mới gặp T2 hai lần và các lần gặp đều ở ngoài đường QL45. Đồng thời điện thoại của Hbị hỏng nên H không lưu, không nhớ số điện thoại của T2 và H không biết rõ địa chỉ cụ thể của T2 nên ngoài lời khai của Hương Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương không cơ sở để xác minh và xử lý các đối tượng này theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị H và 01 giấy kiểm định xe ô tô BKS: 36A - 56965, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đã trả lại cho anh Nguyễn Thái T và Nguyễn Thị H.

Đối với vật chứng là giấy đăng ký xe giả BKS: 36A - 56965 mang tên Nguyễn Thị H cần tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 05/CTr - VKSQX ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của BLHS.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 70.000.000đ đến 80.000.000đ.

- Về vật chứng của vụ án: 01Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098799, tên chủ xe: Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn Lâm, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa, biển số đăng ký 36A - 56965 CẤP NGÀY 20/11/2020 dưới mục "Trưởng phòng" có hình dấu tròn màu đỏ nội dung " PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG * CÔNG AN TỈNH THANH HÓA, chữ ký và hình dấu tên " ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến" là giả nên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời sau cùng bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu khác phản ánh trong hồ sơ vụ án. Xác định: Do cần phương tiện đi lại để phục vụ công việc kinh doanh nên vào khoảng cuối tháng 6/2021 Nguyễn Thị H đã ký hợp đồng thuê xe ô tô BKS: 36A - 56965 của anh Nguyễn Thái T. Trong thời gian thuê xe ô tô H đã nhờ người làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 36A - 56965 mang tên H mục đích khi cần tiền kinh doanh thì mang xe ô tô BKS: 36A - 56965 đi cầm cố. Đến ngày 06/4/2023 H đã sử dụng giấy chứng nhận đăng ký ô tô số 098799, tên chủ xe: Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn Lâm, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa, biển số đăng ký 36A - 56965 CẤP NGÀY 20/11/2020 dưới mục "Trưởng phòng" có hình dấu tròn màu đỏ nội dung "PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG* CÔNG AN TỈNH THANH HÓA, chữ ký và hình dấu tên "ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến" đi cầm cố cho anh Trịnh Văn Đ để lấy số tiền 400.000.000đ. Qua giám định giấy tờ này là giấy tờ giả.

Như vậy đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 của BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương truy tố bị cáo về tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của BLHS là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án và nhân thân của bị cáo: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo H nhận thức được việc sử dụng con dấu hoặc giấy tờ tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng chỉ vì mục đích phục vụ nhu cầu cá nhân nên bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi và hậu quả do chính bị cáo gây ra.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa bị kết án hay bị xử phạt vi phạm hành chính, có nơi cư trú rõ ràng; bị cáo có bố đẻ trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen của các cấp, các ngành. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét tính chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098799, tên chủ xe: Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn Lâm, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa, biển số đăng ký 36A - 56965 CẤP NGÀY 20/11/2020 dưới mục "Trưởng phòng" có hình dấu tròn màu đỏ nội dung " PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG* CÔNG AN TỈNH THANH HÓA, chữ ký và hình dấu tên " ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến" là giả nên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS. Điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS. Điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 21; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I Danh mục án phí Tòa án.

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*)

- Về vật chứng của vụ án: 01Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 098799, tên chủ xe: Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn Lâm, Quảng Thạch, Quảng Xương, Thanh Hóa, biển số đăng ký 36A - 56965 CẤP NGÀY 20/11/2020 dưới mục "Trưởng phòng" có hình dấu tròn màu đỏ nội dung " PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG* CÔNG AN TỈNH THANH HÓA, chữ ký và hình dấu tên "ĐẠI TÁ Lê Văn Chiến" là giả nên tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

- Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị H phải nộp 200.000đ án phí HSST.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND H Quảng Xương;*
- *THADS huyện Quảng Xương;*
- *Công an huyện Quảng Xương;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy